

NGHỊ QUYẾT

**Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn
2016 - 2020 (nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHOÁ IX, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 34/TTr-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 11 tháng 4 năm 2017; Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 19 tháng 4 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương) như sau:

1. Tổng giá trị điều chỉnh: 59.227 triệu đồng. Trong đó:

a) Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 77 công trình, dự án: 59.227 triệu đồng.

b) Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn 31 công trình, dự án: 59.227 triệu đồng.

2. Phân bổ vốn dự phòng kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương: 197.461 triệu đồng. Trong đó:

a) Vốn lập quy hoạch tỉnh: 16.300 triệu đồng.

b) Kinh phí thực hiện Nghị quyết 17/2018/NQ-HĐND ngày 09/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ xây dựng công trình hạ tầng nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020: 3.825 triệu đồng.

c) Lĩnh vực khoa học - công nghệ: 836 triệu đồng.

d) Lĩnh vực giáo dục - đào tạo: 12.075 triệu đồng.

đ) Vốn tỉnh điều hành (*phân cấp theo tỷ lệ quy định*): 115.097 triệu đồng.

- Phân bổ vốn cho 13 công trình, dự án với tổng kinh phí 66.121 triệu đồng;

- Dự phòng vốn đầu tư: 48.976 triệu đồng.

e) Vốn cấp huyện điều hành (*phân cấp theo tỷ lệ quy định*): 49.328 triệu đồng.

3. Bổ sung vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 là 82.458 triệu đồng (*từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi năm 2018 là 56.500 triệu đồng; nguồn tiết kiệm chi ngân sách năm 2019 là 8.000 triệu đồng; nguồn tiết kiệm 2% chi thường xuyên năm 2019 là 4.658 triệu đồng; nguồn thu tiền sử dụng đất năm 2018 và 2019 là 13.300 triệu đồng*) để đầu tư xây dựng trụ sở xã, xây dựng nông thôn mới và các dự án cấp bách khác khi có đủ điều kiện.

(*Chi tiết theo biểu đính kèm*)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khoá IX, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 17 tháng 4 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 27 tháng 4 năm 2019. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu (*UBTVQH*);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (*Bộ Tư pháp*);
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Kạn;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT Huyện (*Thành*) uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Phòng Công tác HĐND;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, HS. *Ch*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Du

BIỂU ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016-2020 (NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG)

(Kèm theo Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Phê duyệt quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (phần vốn CĐNS)		Bổ sung vốn dự phòng Cân đối ngân sách	Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS			Giảm
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ		6.399.561	1.331.241	2.670.241	318.667	1.457.830	572.607	59.227	59.227	279.919	1.712.301	852.525		
A	DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH GIÁM KẾ HOẠCH VỐN		2.376.450	776.085	1.529.385	248.331	762.984	352.323	59.227	0	0	703.756	293.096		
I	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ - THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG		28.756	28.756	4.809	4.809	22.137	22.137	805	0	0	21.332	21.332		
a	Đã quyết toán		21.658	21.658	4.809	4.809	14.869	14.869	280	0	0	14.589	14.589		
1	Dự án nâng cấp thư điện tử tỉnh Bắc Kạn	307/QĐ-UBND ngày 09/03/2016	1.860	1.860			1.860	1.860	52			1.808	1.808	TTCNTT	
2	Dự án tăng cường tiềm lực Chi cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	1887/QĐ-UBND ngày 24/10/2014	19.798	19.798	4.809	4.809	13.009	13.009	228			12.781	12.781	Sở KH-CN	
b	Các dự án khởi công mới từ năm 2018 (tiết kiệm 5%)		7.098	7.098	0	0	7.268	7.268	525	0	0	6.743	6.743		
1	Đầu tư xây dựng mới và nâng cấp các Đài truyền thanh cơ sở thuộc các xã phân đầu đạt các tiêu chí xây dựng nông thôn mới năm 2017 và năm 2018 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn	1777/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	2.563	2.563			2.563	2.563	128			2.435	2.435	Sở TT và TT	Dự án thuộc đối tượng phải tiết kiệm 5% dự toán

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Phê duyệt quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (phần vốn CĐNS)		Bổ sung vốn dự phòng Cân đối ngân sách	Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS		Giảm	Tăng			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Đầu tư trang thiết bị đo lường, thử nghiệm thuộc Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Bắc Kạn giai đoạn III từ năm 2017-2020	1491/QĐ-UBND ngày 5/9/2018	4.535	4.535			4.705	4.705	397			4.308	4.308	Sở KH-CN	Dự án thuộc đối tượng phải tiết kiệm 5% dự toán
II	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO		194.549	128.946	85.992	27.527	70.029	53.980	7.808	0	0	62.221	46.172		
<i>a</i>	<i>Đã quyết toán</i>		<i>139.061</i>	<i>86.743</i>	<i>85.838</i>	<i>27.373</i>	<i>14.487</i>	<i>12.928</i>	<i>3.972</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>10.515</i>	<i>8.956</i>		
1	Khu nội trú trường THPT Yên Hân huyện Chợ Mới	1983/QĐ-UBND ngày 5/11/2014	27.038	27.038	20.663	20.663	549	549	305			244	244	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
2	Trường tiểu học Đức Xuân, thị xã Bắc Kạn	1568/QĐ-UBND ngày 28/01/2001	6.194	6.194	5.209	5.209	402	402	289			113	113	UBND thành phố Bắc Kạn	
3	Trường PTDT Nội trú tỉnh Bắc Kạn	Số 2426 28/12/2011	28.237	28.237	16.576		493	493	401			92	92	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
4	Trường THPT Nà Phặc. Hạng mục San nền, hạ tầng kỹ thuật	1005/QĐ-UBND ngày 23/05/2006	6.483	6.483	1.501	1.501	400	400	196			204	204	Sở GD-ĐT	
5	Đầu tư xây dựng nâng cấp CSVCKT trường trung học sư phạm Bắc Kạn thành trường CĐSP Bắc Kạn	1689 ngày 09/9/2008	53.128	11.239	41.889		3.887	3.887	1.036			2.851	2.851	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
6	Trường tiểu học Thượng Giáo	4136a/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	3.552	3.552			3.197	3.197	245			2.952	2.952	UBND huyện Ba Bê	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Phê duyệt quyết toán		Lũy kế vốn đã bỏ trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (phần vốn CĐNS)		Bổ sung vốn dự phòng Cân đối ngân sách	Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS		Giảm	Tăng			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
7	Trường mầm non Khang Ninh (phần đối ứng của tỉnh)	2703/QĐ-UBND ngày 10/10/2014	14.429	4.000	0	0	5.559	4.000	1.500			4.059	2.500	UBND huyện Ba Bể	
<i>b</i>	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2019</i>		<i>48.585</i>	<i>35.300</i>	<i>154</i>	<i>154</i>	<i>48.640</i>	<i>34.150</i>	<i>3.491</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>45.149</i>	<i>30.659</i>		
1	Trường PTDTNT huyện Ba Bể	1946/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	22.015	22.015	154	154	19.660	19.660	958			18.702	18.702	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Giảm giá trị theo kết quả Kiểm toán Nhà nước
2	Trường mầm non phường Xuất Hóa	803/QĐ-UBND ngày 9/6/2017	26.570	13.285	0	0	28.980	14.490	2.533			26.447	11.957	UBND thành phố Bắc Kạn	Dự án điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư
<i>c</i>	<i>Các dự án khởi công mới từ năm 2018 (tiết kiệm 5%)</i>		<i>6.903</i>	<i>6.903</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>6.903</i>	<i>6.903</i>	<i>345</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>6.558</i>	<i>6.558</i>		
1	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thượng Ân, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn	1799/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	6.903	6.903			6.903	6.903	345			6.558	6.558	UBND huyện Ngân Sơn	Dự án thuộc đối tượng phải tiết kiệm 5% dự toán
III	NGUỒN VỐN PHÂN CẤP TỈNH ĐIỀU HÀNH		2.153.145	618.383	1.438.584	215.995	670.817	276.206	50.614	0	0	620.203	225.592		
<i>a</i>	<i>Đã quyết toán</i>		<i>1.786.618</i>	<i>493.913</i>	<i>1.340.571</i>	<i>214.395</i>	<i>205.293</i>	<i>151.186</i>	<i>22.129</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>183.164</i>	<i>129.057</i>		
1	Kè chống xói lở bờ sông Cầu đoạn từ trường THCS đến cầu Khe Thi, xã Nông Hạ, huyện Chợ Mới	2337/QĐ-UBND ngày 31/12/2011	14.491	1.902	12.898	309	1.607	1.607	14			1.593	1.593	UBND huyện Chợ Mới	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Phê duyệt quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (phần vốn CĐNS)		Bổ sung vốn dự phòng Cân đối ngân sách	Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS		Giảm	Tăng			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Trung tâm kiểm nghiệm thuốc mỹ phẩm thực phẩm	2329/QĐ-UBND ngày 19/12/2011	14.654	2	11.575	1.500	2	2	2			0	0	Sở Y tế	
3	Trung tâm truyền thông giáo dục sức khỏe tỉnh Bắc Kạn	3339/QĐ-UBND ngày 29/10/2009	6.720	48	6.589	1.067	48	48	11			37	37	Sở Y tế	
4	Hệ thống cấp nước và vệ sinh các TYT (năm 2010)	2653/QĐ-UBND ngày 27/8/2009	3.721	44	3.721		44	44	25			19	19	Sở Y tế	
5	Mở nền đường khắc phục hậu quả bão lụt, ĐBGT năm 2013 tại Km5+400 ĐT258, tỉnh Bắc Kạn	551/QĐ-SGTVT ngày 27/12/2013	13.804	13.804	5.900	5.900	1.904	1.904	468			1.436	1.436	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
6	Khắc phục hậu quả do mưa lũ đối với công trình phòng thủ tỉnh	1809/QĐ-UBND ngày 25/10/2013	6.056	6.056	2.500		3.502	3.502	199			3.303	3.303	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
7	Trụ sở UBND xã Cao Tân	1937/QĐ-UBND ngày 24/10/2011	6.759	6.759	5.782		282	282	3			279	279	UBND huyện Pác Nặm	
8	Trụ sở xã Đôn Phong	883 ngày 31/5/2011	5.544	5.544	4.796	4.796	248	248	33			215	215	UBND huyện Bạch Thông	
9	Trụ sở hợp khối HU-HĐND-UBND huyện Ba Bể	161/QĐ-UBND ngày 24/1/2013	79.991	79.991	44.120	44.120	6.878	6.878	293			6.585	6.585	UBND huyện Ba Bể	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Phê duyệt quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (phần vốn CDNS)		Bổ sung vốn dự phòng Cân đối ngân sách	Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CDNS			Giảm
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CDNS											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
10	Xử lý, di chuyển và xây dựng bãi rác tại xã Huyền Tung, thị xã Bắc Kạn	324a/QĐ-UBND ngày 27/2/2012	16.007	16.007	6.494	6.494	9.022	9.022	230			8.792	8.792	UBND thành phố Bắc Kạn	
11	Đường Yên Cư - Cao Kỳ huyện Chợ Mới	2600/QĐ-UBND ngày 31/12/2009	32.585	7.991	30.315	7.200	605	605	8			597	597	UBND huyện Chợ Mới	
12	Trụ sở HĐND-UBND huyện Ngân Sơn	123/QĐ-UBND ngày 21/1/2013	31.183	31.183	20.814	20.814	8.189	8.189	649			7.540	7.540	UBND huyện Ngân Sơn	
13	Kè chống xói lở thôn Nà Chảo, Nà Tào xã Như Cố	2157/QĐ-UBND ngày 16/12/2011	9.681	9.681	7.799	7.799	1.098	1.098	18			1.080	1.080	UBND huyện Chợ Mới	
14	Trung tâm huấn luyện lực lượng dự bị động viên và lực lượng làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu tỉnh Bắc Kạn	39/QĐ-UBND ngày 9/11/2008	55.465		15.400		2.338	2.338	2.338			0	0	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
15	Đường Bắc Sông Năng, huyện Ba Bể	1146/QĐ-UBND ngày 25/6/2003	7.680	7.680	7.403	7.403	331	331	43			288	288	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
16	Trụ sở UBND xã Thượng Ân	1848/QĐ-UBND ngày 29/10/2013	8.616	5.416	3.015		3.985	3.800	276			3.709	3.524	UBND huyện Ngân Sơn	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bỏ tri đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (phần vốn CĐNS)		Bổ sung vốn dự phòng Cân đối ngân sách	Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS		Giảm	Tăng		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
17	Cụm công trình thủy lợi huyện Chợ Mới	289/QĐ-UBND ngày 5/2/2010	31.655	3.413	25.243		1.277	1.277	226			1.051	1.051	UBND huyện Chợ Mới	
18	Kè chống xói lở bờ tả Sông Cầu thuộc Thôn Nà Di xã Dương Quang	1647/QĐ-UBND ngày 20/10/2015	10.635	8.635	2.000		6.760	6.760	112			6.648	6.648	UBND thành phố Bắc Kạn	
19	Đường Nặm Mây- Khuổi Pục (đoạn Cỏ Linh- Khuổi Pục)	1603/QĐ-UBND ngày 21/7/2005	30.547	105	28.169		105	105	16			89	89	UBND huyện Pác Nặm	
20	Cụm công trình thủy lợi huyện Pác Nặm		19.962	843	17.147		843	843	807			36	36		
21	Hệ thống cấp thoát nước và vệ sinh thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể (cấp nước)	54/QĐ-UBND ngày 10/01/2008	9.870	58	7.625		58	58	58			0	0	Công ty CP cấp thoát nước BK	
22	Khắc phục sạt lở tuyến đường ĐH21, xã Trung Hòa, huyện Ngân Sơn	2532/QĐ-UBND ngày 31/12/2014	1.216	1.216	871	871	346	346	24			322	322	UBND huyện Ngân Sơn	
23	Bệnh viện đa khoa huyện Ba Bể	2139/QĐ-UBND ngày 30/10/2008	33.841		31.526		196	196	196			0	0	UBND huyện Ba Bể	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (phần vốn CĐNS)		Bổ sung vốn dự phòng Cân đối ngân sách	Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
24	Khắc phục sạt lở trạm y tế xã Hương Nê huyện Ngân Sơn, tỉnh BK	760/QĐ-UBND ngày 05/6/2015	611	343	906		343	343	343			0	0	UBND huyện Ngân Sơn	
25	Di dân tái định cư vùng sạt lở xã Nhạn Môn- Pác Nặm	2739/QĐ-UBND ngày 01/11/2005 397/QĐ-UBND ngày 15/3/2011	24.241	123	16.903		123	123	123			0	0	UBND huyện Pác Nặm	
26	Dự án đầu tư xây dựng công trình Đài PTTH BK GD2	2106/QĐ-UBND ngày 5/10/2010	39.900	39.900	33.660	33.660	6.134	6.134	51			6.083	6.083	Đài PT-TH	
27	Đường phía đông sông Cầu huyện Chợ Mới	2750/QĐ-UBND ngày 25/11/2004	21.127	330	18.074		330	330	29			301	301	UBND huyện Chợ Mới	
28	Trụ sở làm việc UBND - UBND thị trấn Phú Thông, huyện Bạch Thông	639/QĐ-UBND ngày 23/4/2007	4.721	4.721	2.518	2.518	156	156	156			0	0	UBND huyện Bạch Thông	
29	Bệnh viện đa khoa huyện Bạch Thông	2537 ngày 30/11/2010	34.041		30.352	30.352	439	439	439			0	0	UBND huyện Bạch Thông	
30	Hệ thống chiếu sáng động Hua Mạ, kè và sân trước cửa động, bãi đỗ xe diêm du lịch động Hua Mạ	2343/QĐ-UBND ngày 23/11/2007	5.420	64	4.663		64	64	64			0	0	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (phần vốn CĐNS)		Bổ sung vốn dự phòng Cân đối ngân sách	Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT												
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Giảm	Tăng		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
31	Đường vào trụ sở khu liên cơ quan huyện Ba Bê	1229/QĐ-UBND ngày 6/6/2010	9.322	9.322	4.903	4.903	1.099	1.099	43			1.056	1.056	UBND huyện Ba Bê	
32	Di dời tái định cư đảm bảo ổn định cuộc sống cho 28 hộ dân thôn Nà Cọ, xã Hoàng Trĩ, huyện Ba Bê	1588/QĐ-UBND ngày 25/8/2008	2.001	88	761		88	88	88			0	0	UBND huyện Ba Bê	
33	Sàn nền HĐND-UBND huyện Ba Bê	2660/QĐ-UBND ngày 26/10/2005	7.022	7.022	3.285	3.285	1.361	1.361	23			1.338	1.338	UBND huyện Ba Bê	
34	Đường Liêm Thủy, Yên Cư	2585/QĐ-UBND ngày 07/12/2001	40.713	311	36.044		311	311	311			0	0	Ban QLDA Đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
35	Di dân TDC xã Khang Ninh huyện Ba Bê thuộc dự án xây dựng công trình thủy điện Tuyên Quang	109/QĐ-UB ngày 29/01/2004	35.638	2.655	30.766		2.758	2.655	71			2.687	2.584	UBND huyện Ba Bê	
36	Phương án bố trí dân cư xen ghép giai đoạn 2014 – 2015 (đợt 1)	636/QĐ-UBND ngày 15/5/2015	2.345	53	2.052		53	53	6			47	47	Chi cục phát triển nông thôn	
37	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 258 từ Km 45 đến km 48	1515/QĐ-UBND ngày 22/11/2002	12.920	1.020	11.489		95	95	95			0	0	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
38	Nhà thi đấu TDTT đa năng	444/QĐ-UB ngày 21/3/2005	79.998	9.747	69.450	8.000	2.136	2.136	188			1.948	1.948	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (phần vốn CĐNS)		Bổ sung vốn dự phòng Cân đối ngân sách	Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
39	Trụ sở UBND xã Khang Ninh	573/QĐ-UBND ngày 11/5/2010	5.303	989	4.314		1.169	1.169	989			180	180	UBND huyện Ba Bè	
40	Nhà khoa xét nghiệm và hệ thống xử lý chất thải lỏng Y tế của Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Bắc Kạn	1976a/QĐ-UBND ngày 24/10/2011	7.272	2.772	4.795	295	1.840	1.840	8			1.832	1.832	TT Y tế dự phòng	
41	Trụ sở hợp khối Thị ủy - HĐND - UBND thị xã Bắc Kạn	1787/QĐ-UBND ngày 30/10/2012	154.886	46.000	70.567	8.640	74.319	27.360	5.663			68.656	21.697	UBND thành phố Bắc Kạn	
42	Sửa chữa đập tràn Bản Pjạc, xã Quảng Khê, huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn	1539/QĐ-UBND ngày 29/09/2017	1.281	1.281			1.800	1.800	639			1.161	1.161	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
43	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 257 Bắc Kạn – Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	258/QĐ-UBND ngày 25/01/2014	775.123	121.573	653.085		33.000	33.000	523			32.477	32.477	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
44	Trụ sở ban quản lý, các trạm kiểm lâm thuộc Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Nam Xuân Lạc huyện Chợ Đồn	1785/QĐ-UBND ngày 29/10/2012	9.158	9.158	4.607	4.607	4.551	4.551	506			4.045	4.045	Chi cục Kiểm lâm	
45	Cải tạo, sửa chữa và bổ sung thiết bị cho Bệnh viện đa khoa Bắc Kạn	1893/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	14.911	3.506	11.405		2.015	2.015	1.359			656	656	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (phần vốn CĐNS)		Bổ sung vốn dự phòng Cân đối ngân sách	Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
46	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu văn hóa thể thao Tổng Địch	391/QĐ-UBND ngày 27/02/2009	6.950	6.950	4.812	4.812	2.138	2.138	533			1.605	1.605	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
47	Kè chống sạt lở xói mòn bờ sông thuộc dự án TT Bước Lôm	391/QĐ-UBND ngày 27/02/2009	6.950	2.138	4.812		2.138	2.138	2.138			0	0	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
48	Bổ sung trang thiết bị và xây dựng mạng tin học Bệnh viện đa khoa tỉnh	số 143/QĐ-UBND ngày 22/01/2010	5.470	60	5.410		60	60	60			0	0	Bệnh viện đa khoa tỉnh	
49	Khắc phục sạt lở đất tại thôn Trung tâm xã Thanh Mai	2376/QĐ-UBND ngày 24/12/2013	4.313	4.313	3.000	3.000	882	882	620			262	262	UBND huyện Chợ Mới	
50	Chống sạt lở mái taluy dương sau trường mầm non xã Mai Lạp, huyện Chợ Mới	2013/QĐ-UBND ngày 03/12/2010	2.887	2.887	2.000	2.000	598	598	59			539	539	UBND huyện Chợ Mới	
51	Trụ sở UBND xã Cao Trĩ, huyện Ba Bể	704/QĐ-UBND ngày 18/5/2016	11.907	1.774	4.236	50	7.071	1.174	456			6.615	718	UBND huyện Ba Bể	
52	Khắc phục sạt lở đất khu dân cư Nà Cây, thôn Thôm Mò, huyện Bạch Thông	1278/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	9.504	8.433			8.554	7.590	497			8.057	7.093	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	

TT	Dan h mục dự án	Quyết định đầu tư/ Phê duyệt quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (phần vốn CĐNS)		Bổ sung vốn dự phòng Cân đối ngân sách	Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Giảm	Tăng		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
b	Hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng		75.820	47.260	12.743	1.600	57.197	39.780	13.570	0	0	43.627	26.210		
1	Hỗ trợ GPMB Xử lý điểm đen đoạn từ Km192+300-Km193+250 trên QL3	1032/QĐ-TCĐBVN ngày 15/04/2015	13.300	13.300	0	0	13.000	13.000	290			12.710	12.710	Sở GTVT	
2	Khu cách ly kiểm dịch động vật tỉnh Bắc Kạn.	2424/QĐ-UBND ngày 28/12/2011	3.837	3.837	1.600	1.600	25	25	10			15	15	Chi cục thú y	
3	Cải tạo, sửa chữa ĐT258 đoạn từ điểm đầu Khu du lịch Ba Bể tại Km42+00 (bến xuống Buộc Lôm) đến trung tâm Vườn Quốc gia Ba Bể tại Km48+200.	1923/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	53.683	25.123	11.143		37.172	19.755	6.270			30.902	13.485	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
4	Di chuyển ban CHQS huyện Chợ Mới (phần vốn đối ứng của tỉnh)		5.000	5.000			5.000	5.000	5.000			0	0	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
5	Dự phòng chưa phân bổ						2.000	2.000	2.000			0	0	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
c	Các dự án khôi công mới từ năm 2018 (tiết kiệm 5%)		8.800	5.400	0	0	5.400	5.400	270	0	0	5.130	5.130		
1	Trụ sở UBND xã Yên Dương	2984/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	8.800	5.400			5.400	5.400	270			5.130	5.130	UBND huyện Ba Bể	Dự án thuộc đối tượng phải tiết kiệm 5% dự toán
d	Đối ứng ODA		281.907	71.810	85.270	0	402.927	79.840	14.645	0	0	388.282	65.195		
d.1	Đã quyết toán		11.091	2.249	5.963	0	2.249	2.249	108	0	0	2.141	2.141		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (phần vốn CĐNS)		Bổ sung vốn dự phòng Cân đối ngân sách	Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Giảm	Tăng		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Dự án Lưới điện nông thôn xã Cư Lễ, Xuân Dương, Dương Sơn, Liêm Thủy huyện Na Ri	954 ngày 27/5/2008	9.576	2.098	4.599	0	2.098	2.098	16			2.082	2.082	UBND huyện Na Ri	
2	Dự án Hệ thống cấp thoát nước và vệ sinh thị trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể (phần cấp nước)	1282 ngày 14/8/2013	1.515	151	1.364	0	151	151	92			59	59	Cty cổ phần cấp thoát nước Bắc Kạn	
d.2	Hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng		251.186	49.931	79.307	0	238.479	64.191	9.198	0	0	229.281	54.993		
1	Dự án Nâng cấp, cải tạo ĐT 255, huyện Chợ Đồn	1231 ngày 11/07/2011	168.267	16.827	33.886	0	100.253	31.667	2.900			97.353	28.767	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
2	Dự án Phát triển giáo dục THPT giai đoạn II	530 ngày 19/02/2014	6.363	6.363	0	0	5.783	5.783	1.663			4.120	4.120	Sở GD-ĐT	
3	Dự án Cấp nước và vệ sinh thị xã Bắc Kạn (Phần thoát nước)	1513 ngày 22/9/2016	76.556	26.741	45.421	0	132.443	26.741	4.635			127.808	22.106	Sở Xây dựng	
d.3	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2019		19.630	19.630	0	0	162.199	13.400	5.339	0	0	156.860	8.061		
1	Dự án quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016	19.630	19.630			162.199	13.400	5.339			156.860	8.061	Sở GTVT; UBND các huyện	
B	DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH VỐN		4.023.111	555.157	1.140.855	70.336	694.846	220.284	0	59.227	197.461	926.087	476.972		
I	Bố trí vốn Lập quy hoạch tỉnh										16.300	16.300	16.300		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (phần vốn CĐNS)		Bổ sung vốn dự phòng Cân đối ngân sách	Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS		Giảm	Tăng		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
II	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 17/2018/NQ-HĐND ngày 9/12/2018 của HĐND tỉnh về việc quy định mức hỗ trợ xây dựng công trình hạ tầng nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến năm 2020										3.825	3.825	3.825		
III	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ - THÔNG TIN - TRUYỀN THÔNG		8.358	8.358	0	0	7.522	7.522	0	0	836	8.358	8.358		
a	Hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng		8.358	8.358	0	0	7.522	7.522	0	0	836	8.358	8.358		
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2015-2020	1748/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	8.358	8.358			7.522	7.522			836	8.358	8.358	VP Tỉnh ủy	Cấp bù 10% TMĐT
IV	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO		269.898	224.280	49.141	35.757	130.625	101.421	0	4.835	12.075	147.535	118.331		
a	<i>Đã quyết toán</i>		<i>135.029</i>	<i>119.556</i>	<i>49.141</i>	<i>35.757</i>	<i>10.656</i>	<i>8.773</i>	<i>0</i>	<i>4.835</i>	<i>1.681</i>	<i>17.172</i>	<i>15.289</i>		
1	Dự án hỗ trợ xây dựng nhà ở bán trú và các công trình thiết yếu trường Tiểu học Cao Kỳ, huyện Chợ Mới	1602/QĐ-UBND ngày 29/8/2017	753	603			681	543			60	741	603	UBND huyện Chợ Mới	
2	Dự án hỗ trợ xây dựng nhà ở bán trú và các công trình thiết yếu trên địa bàn huyện Pác Nặm giai đoạn 2016-2020	1870/QĐ-UBND ngày 11/8/2017	9.560	7.621			8.604	6.859			343	8.947	7.202	UBND huyện Pác Nặm	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (phần vốn CĐNS)		Bổ sung vốn dự phòng Cân đối ngân sách	Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
3	Trường tiểu học xã Bình Trung	1883/QĐ-UBND ngày 18/10/2011	463	463	400	400					12	12	12	UBND huyện Chợ Đồn	
4	Trường THPT Bình Trung	993/QĐ-UBND ngày 14/6/2018	26.294	26.294	24.514	24.514					742	742	742	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
5	Trường Mầm non Liên Cơ huyện Chợ Đồn tỉnh Bắc Kạn	669/QĐ-UBND ngày 23/4/2014	18.208	4.824	15.384	2.000	800	800			436	1.236	1.236	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
6	Xử lý khắc phục sạt lở Kè ta luy dương trường THPT Nà Phặc	01/QĐ-STC ngày 02/1/2018	2.213	2.213	500	500				1.270	88	1.358	1.358	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
7	Trường THPT Chợ Đồn (gd2)	3785/QĐ-UBND ngày 14/12/2009	77.538	77.538	8.343	8.343	571	571		3.565		4.136	4.136	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
b	Hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng		7.202	7.202	0	0	4.870	4.870	0	0	2.332	7.202	7.202		
1	Trường tiểu học và THCS xã Cao Trĩ	2300/QĐ-UBND ngày 6/9/2017	7.202	7.202			4.870	4.870			2.332	7.202	7.202	UBND huyện Ba Bể	Cấp bù 10% TMĐT
c	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2019		77.819	63.903	0	0	70.063	57.522	0	0	6.381	76.444	63.903		
1	Hoàn thiện cơ sở vật chất trường THPT Chợ Đồn	439/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	12.096	12.096	0	0	10.886	10.886			1.210	12.096	12.096	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Cấp bù 10% TMĐT

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (phần vốn CĐNS)		Bổ sung vốn dự phòng Cân đối ngân sách	Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Trường THCS Nông Thượng, thành phố Bắc Kạn	1641/QĐ-UBND ngày 14/10/2016	13.316	7.500			11.984	6.750			750	12.734	7.500	UBND thành phố Bắc Kạn	Cấp bù 10% TMĐT
3	Trường THCS Hà Hiệu, huyện Ba Bể	4144a/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	7.500	7.500			6.750	6.750			750	7.500	7.500	UBND huyện Ba Bể	Cấp bù 10% TMĐT
4	Hoàn thiện cơ sở vật chất trường THPT Bình Trung	781/QĐ-UBND ngày 06/6/2017	10.000	10.000			9.000	9.000			1.000	10.000	10.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	Cấp bù 10% TMĐT
5	Dự án hỗ trợ xây dựng nhà ở bán trú và các công trình thiết yếu trên địa bàn huyện Ba Bể giai đoạn 2016-2020	2101a/QĐ-UBND ngày 15/8/2017	4.874	3.944			4.387	3.550			394	4.781	3.944	UBND huyện Ba Bể	Cấp bù 10% TMĐT
6	Dự án hỗ trợ xây dựng nhà ở bán trú và các công trình thiết yếu trường Phổ thông cơ sở Yên Mỹ, huyện Chợ Đồn	2599/QĐ-UBND ngày 29/9/2017	939	760			859	684			76	935	760	UBND huyện Chợ Đồn	Cấp bù 10% TMĐT
7	Dự án hỗ trợ xây dựng nhà ở bán trú và các công trình thiết yếu trên địa bàn huyện Na Ri giai đoạn 2016-2020	2681/QĐ-UBND ngày 25/9/2017	3.050	2.432			2.746	2.189			243	2.989	2.432	UBND huyện Na Ri	Cấp bù 10% TMĐT
8	Dự án hỗ trợ xây dựng nhà ở bán trú và các công trình thiết yếu trên địa bàn huyện Ngân Sơn giai đoạn 2016-2020	1270a/QĐ-UBND ngày 16/6/2017	5.819	4.639			5.237	4.175			464	5.701	4.639	UBND huyện Ngân Sơn	Cấp bù 10% TMĐT

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Phê duyệt quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (phần vốn CĐNS)		Bổ sung vốn dự phòng Cân đối ngân sách	Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Giảm	Tăng		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)										Trong đó: vốn CĐNS
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
9	Trường PTCS Quang Thuận, xã Quang Thuận, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn	1451/QĐ-UBND ngày 25/4/2017	6.000	6.000			5.400	5.400			600	6.000	6.000	UBND huyện Bạch Thông	Cấp bù 10% TMĐT
10	Nâng cấp sửa chữa trường Mầm non Yên Đĩnh để công nhận lại đạt chuẩn Quốc gia mức độ I	2874/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	8.535	3.341			7.684	3.007			334	8.018	3.341	UBND huyện Chợ Mới	Cấp bù 10% TMĐT
11	Nhà lớp học trường Mầm non Kim Lư, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	714/QĐ-UBND ngày 24/3/2017	5.690	5.690			5.130	5.130			560	5.690	5.690	UBND huyện Na Rì	Cấp bù 10% TMĐT
<i>d</i>	<i>Các dự án khởi công mới từ năm 2018 (cấp bù 10%; tiết kiệm 5%)</i>		<i>49.848</i>	<i>33.619</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>45.036</i>	<i>30.257</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>1.681</i>	<i>46.717</i>	<i>31.938</i>		
1	Sửa chữa nhà lớp học trường Tiểu học Hào Nghĩa, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	2268/QĐ-UBND ngày 14/8/2017	1.800	1.800			1.620	1.620			90	1.710	1.710	UBND huyện Na Rì	Dự án thuộc đối tượng cấp bù 10% TMĐT nhưng phải tiết kiệm 5% dự toán
2	Nâng cấp, cải tạo Trường tiểu học và THCS Giáo Hiệu, huyện Pác Nặm	2948/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	9.200	5.500			8.280	4.950			275	8.555	5.225	UBND huyện Pác Nặm	Dự án thuộc đối tượng cấp bù 10% TMĐT nhưng phải tiết kiệm 5% dự toán
3	Trường mầm non Giáo Hiệu, huyện Pác Nặm	2953/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	4.000	2.000			3.600	1.800			100	3.700	1.900	UBND huyện Pác Nặm	Dự án thuộc đối tượng cấp bù 10% TMĐT nhưng phải tiết kiệm 5% dự toán

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (phần vốn CĐNS)		Bổ sung vốn dự phòng Cân đối ngân sách	Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
4	Trường Tiểu học và THCS Đồng Viên, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn	2223/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	7.853	7.500			7.590	6.750			375	7.965	7.125	UBND huyện Chợ Đồn	Dự án thuộc đối tượng cấp bù 10% TMĐT nhưng phải tiết kiệm 5% dự toán
5	Trường tiểu học Tân Tiến, xã Tân Tiến, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn	1173/QĐ-UBND ngày 13/4/2017	1.500	1.500			1.350	1.350			75	1.425	1.425	UBND huyện Bạch Thông	Dự án thuộc đối tượng cấp bù 10% TMĐT nhưng phải tiết kiệm 5% dự toán
6	Nâng cấp trường tiểu học Nông Thịnh để công nhận lại đạt chuẩn quốc gia mức độ I	2371/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	7.189	2.000			6.470	1.800			100	6.570	1.900	UBND huyện Chợ Mới	Dự án thuộc đối tượng cấp bù 10% TMĐT nhưng phải tiết kiệm 5% dự toán
7	Xây dựng trường mầm non Nông Thịnh đạt chuẩn Quốc gia	2338a/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	6.599	2.000			5.939	1.800			100	6.039	1.900	UBND huyện Chợ Mới	Dự án thuộc đối tượng cấp bù 10% TMĐT nhưng phải tiết kiệm 5% dự toán
8	Trường THCS Dương Quang, thành phố Bắc Kạn	1787/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	11.707	11.319			10.187	10.187			566	10.753	10.753	UBND thành phố Bắc Kạn	Dự án thuộc đối tượng cấp bù 10% TMĐT nhưng phải tiết kiệm 5% dự toán
V	NGUỒN VỐN PHÂN CẤP TỈNH ĐIỀU HÀNH (70%)		3.744.855	322.519	1.091.714	34.579	556.698	111.340	0	54.392	115.097	700.740	280.829		
a	Đã quyết toán		986.487	157.967	791.020	26.979	119.963	37.626	0	51.409	0	145.925	89.035		
1	Đường Vũ Muộn - Cao Sơn - Côn Minh	518/QĐ-UBND ngày 31/3/2014	105.636	13.587	92.049		7.675	7.675		141		7.816	7.816	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (phần vốn CĐNS)		Bổ sung vốn dự phòng Cân đối ngân sách	Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Trạm y tế xã Nông Thịnh	24/QĐ-STC ngày 8/3/2018	3.500		3.434	3.434					27	27	27	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Xử lý thoát úng sau Bệnh viện đa khoa tỉnh	Số 2819 ngày 30/12/2011	14.007	14.007	12.385	11.885	1.158	1.158			9	1.167	1.167	UBND thành phố Bắc Kạn	
4	Duy tu sửa chữa hạ tầng và mua sắm thiết bị cho Trung tâm y tế dự phòng tỉnh	1884A/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	12.115	2.021	8.556		2.348	810			882	3.230	1.692	Trung tâm kiểm soát bệnh tật	
5	Bảo tồn, đầu tư và phát triển làng văn hóa dân tộc Tây bản Pác Ngòi, xã Nam Mẫu, huyện Ba Bể	2112/QĐ-UBND ngày 19/10/2006	6.303	150	4.730		129	129			176	305	305	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
6	Khắc phục sạt lở đất tại tổ 4 phường Đức Xuân	3901 ngày 24/12/2009	14.712	1.712	13.000		181	181			1.193	1.374	1.374	UBND thành phố Bắc Kạn	
7	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Hỗ trợ Phụ nữ tỉnh Bắc Kạn	1768/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	2.926	2.926			2.633	2.633			269	2.902	2.902	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
8	Đường đi bộ tuần tra bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái đoạn Nà Mắm - Lũng Chú	3006/QĐ-UBND ngày 29/11/2005	398	12	343		12	12			1	13	13	Vườn Quốc gia Ba Bể	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (phần vốn CĐNS)		Bổ sung vốn dự phòng Cân đối ngân sách	Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
9	Kè chắn sạt lở đất khu dân cư thôn Hát Deng, trường PTDT Nội trú và trường TH thị trấn Yên Lạc	1978/QĐ-UBND ngày 02/12/2015	40.237	15.652	25.925	6.901	8.774	3.213			10	8.784	3.223	UBND huyện Na Ri	
10	Mua sắm trang thiết bị y tế Trung tâm kiểm nghiệm thuốc - mỹ phẩm - dược phẩm	2289/QĐ-UBND ngày 16/12/2013	35.195	2.918	32.777		25.238			747		747	747	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
11	Dự án Khắc phục sạt lở thôn Khuổi Lót, xã Thanh Bình, huyện Chợ Mới	1943/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	3.412	3.412	2.674	2.674					37		37	UBND huyện Chợ Mới	
12	Đường từ ngã ba tình uỷ đến đường Nguyễn Văn Tố và hạ tầng nhà công vụ tình uỷ	724/QĐ-UBND ngày 24/5/2016	400.190	40.874	311.351	2.035	53.712	3.712			24.354	78.066	28.066	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
13	Nâng cấp nhà khách HĐND-UBND huyện Na Ri	1630/QĐ-UBND ngày 23/9/2014	19.948	11	19.416					11		11	11	UBND huyện Na Ri	
14	Trụ sở UBND xã Côn Minh, huyện Na Ri	1174/QĐ-UBND ngày 16/7/2014	4.881	77	4.402					77		77	77	UBND huyện Na Ri	
15	Đầu tư, bảo tồn, tôn tạo, phục hồi các di tích ATK tỉnh BK - Di tích Bàn Ca	144/QĐ-UBND ngày 13/2/2017	3.009	117	2.535					117			117	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (phần vốn CĐNS)		Bổ sung vốn dự phòng Cán đối ngân sách	Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT									Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
16	Bệnh viện huyện Na Ri	1604/QĐ-UBND ngày 1/9/2011	59.777	10	58.878						11		11	UBND huyện Na Ri	
17	Hồ chứa nước Khuổi Dầy, xã Yên Hân, huyện Chợ Mới	1673/QĐ-UBND ngày 20/10/2016	4.363	44	3.719						44		44	UBND huyện Chợ Mới	
18	Cải tạo đường Hào Nghĩa-Liêm Thủy.	1726/QĐ-UBND ngày 23/8/2010	52.162	14.519	43.361		2.274	2.274			45	2.319	2.319	UBND huyện Na Ri	
19	Đường nối khu du lịch Ba Bể - Bắc Kạn với khu du lịch Na Hang - Tuyên Quang	44/QĐ-UBND ngày 9/01/2019	59.637	8.592	49.615						8.592	8.592	8.592	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
20	Cải tạo, nâng cấp đường từ bờ hồ đi Quảng Khê giai đoạn I	1604/QĐ-UBND ngày 1/10/2013	30.659	13.699	16.960		3.633	3.633			2.555	6.188	6.188	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
21	Đường đi bộ vào động Nà Phông, đường đi bộ vào Ao Tiên, đường đi bộ từ thác Đầu Đẳng - bến thuyền Tà Kèn, xã Nam Mẫu, huyện Ba Bể	915/QĐ-UBND ngày 18/6/2013	2.290	7	1.829						7	7	7	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
22	Rãnh thoát nước, hộ lan mềm đường ven hồ VQG Ba Bể	2163/QĐ-UBND ngày 03/12/2013	1.210	31	1.063						31	31	31	Vườn Quốc gia Ba Bể	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Phê duyệt quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (phần vốn CĐNS)		Bổ sung vốn dự phòng Cân đối ngân sách	Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS		Giảm	Tăng		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
23	Cải tạo, nâng cấp hội trường trung tâm thông tin VQG Ba Bê	1699/QĐ-UBND ngày 15/10/2013	651	171	2.000					171		171	171	Vườn Quốc gia Ba Bê	
24	Hạng mục: Cầu Bản Điếng (Km5+526,76) và Cầu Nà Đầy (Km11+385,05) thuộc dự án Mở rộng, nâng cấp ĐT 254, tỉnh Bắc Kạn	1784/QĐ-UBND ngày 15/10/2018	31.679	7.355	21.343					7.355		7.355	7.355	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
25	Đường Bản Tàu xã Cao Thượng - Bản Vải xã Khang Ninh	1892/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	29.750	14.263	15.537		11.238	11.238		3.510		14.748	14.748	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
26	Bệnh viện đa khoa thị xã Bắc Kạn	244/QĐ-UBND ngày 15/2/2019	42.831	291	39.588					291		291	291	UBND thành phố Bắc Kạn	
27	Trạm y tế thị trấn Yên Lạc	1788/QĐ-UBND ngày 23/10/2013	5.009	1.509	3.550	50	958	958		172		1.130	1.130	Sở Y tế	
28	Chuẩn bị đầu tư trụ sở UBND xã Phong Huân, trụ sở UBND xã Nam Mẫu (năm 2016)									574		574	574		
b	Hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng; dự kiến hoàn thành năm 2019		2.022.327	41.738	229.100	6.500	206.090	9.136	0	0	23.462	229.552	32.598		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Phê duyệt quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (phần vốn CĐNS)		Bổ sung vốn dự phòng Cân đối ngân sách	Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Giảm	Tăng		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)										Trong đó: vốn CĐNS
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Trả nợ để quyết toán các gói thầu thực hiện dở dang Dự án Mở rộng, nâng cấp ĐT 254, tỉnh Bắc Kạn (dự án cũ)	2318/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	1.527.022	12.431							12.431	12.431	12.431	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh	
2	Xử lý khu vực có nguy cơ sạt lở cấp bách thôn Nà Chúa xã Thanh Vân	1681/QĐ-UBND ngày 05/10/2011	7.855	7.855	3.000	3.000	4.069	4.069			786	4.855	4.855	UBND huyện Chợ Mới	Cấp bù 10% TMĐT
3	Khắc phục sạt lở đất tại thôn Nà Khon xã Yên Đĩnh	89/QĐ-UBND 13/01/2014	9.852	9.852	3.500	3.500	5.367	2.727			985	6.352	3.712	UBND huyện Chợ Mới	Cấp bù 10% TMĐT
4	Đường vào khu di tích Coóng Tát, xã Thượng Ân, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn	881/QĐ-UBND ngày 23/06/2017	3.455	2.600			3.113	2.340			260	3.373	2.600	UBND huyện Ngân Sơn	Cấp bù 10% TMĐT
5	Cải tạo, nâng cấp ĐT258B tỉnh Bắc Kạn	537/QĐ-UBND ngày 26/4/2017	474.144	9.000	222.600		193.541				9.000	202.541	9.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình giao thông tỉnh	
c	Đổi ứng ODA		731.041	117.814	71.594	1.100	230.645	64.578	0	2.983	29.801	263.429	97.362		
c.1	Đã quyết toán		74.650	10.377	53.833	1.100	190.968	24.901	0	2.983	5.671	199.622	33.555		
1	Dự án Phát triển Du lịch bền vững tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng giai đoạn I	5284 ngày 22/12/2008	6.408	641	4.731	0	10.265	9.265		887		11.152	10.152	Ban thực hiện dự án phát triển du lịch sông Mê Kông, tỉnh Bắc Kạn	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Phê duyệt quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (phần vốn CĐNS)		Bổ sung vốn dự phòng Cân đối ngân sách	Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS			Giảm
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Bệnh viện đa khoa và Trung tâm đào tạo y tế tỉnh Bắc Kạn (Hợp phần Trung tâm đào tạo y tế tỉnh Bắc Kạn)	1606 ngày 05/9/2011	48.462	7.758	40.102	0	123.105	7.758		2.096	1.249	126.450	11.103	Ban QL Công trình BVĐK BK	
3	Dự án Chương trình đô thị miền núi phía Bắc-thị xã Bắc Kạn (giai đoạn 1)	1950 ngày 31/10/2014	19.780	1.978	9.000	1.100	57.598	7.878			4.422	62.020	12.300	UBND thành phố Bắc Kạn	
c.2	Hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng		30.523	22.066	17.761	0	11.427	11.427	0	0	130	11.557	11.557		
1	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn bền vững các tỉnh miền núi phía Bắc	2881 ngày 13/11/2012	30.523	22.066	17.761	0	11.427	11.427			130	11.557	11.557	Sở NN&PTNT	
c.3	Các dự án hoàn thành sau năm 2019		625.868	85.371	0	0	28.250	28.250	0	0	24.000	52.250	52.250		
1	Dự án Giáo dục và đào tạo nghề Bắc Kạn giai đoạn II (VIE/034)	1380/QĐ-TTg ngày 12/7/2016	67.500	4.250			4.250	4.250			1.000	5.250	5.250	Trường Cao đẳng nghề dân tộc nội trú	
2	Chương trình hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ tỉnh Bắc Kạn	1438/QĐ-UBND ngày 07/09/2016	364.129	26.734			15.000	15.000			3.000	18.000	18.000	Ban quản lý dự án hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ tỉnh Bắc Kạn	
3	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh vùng Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn-Tiểu dự án tỉnh Bắc Kạn	1767/QĐ-UBND ngày 23/10/2018	194.239	54.387			9.000	9.000			20.000	29.000	29.000	Sở Kế hoạch và Đầu tư	
d	Dự án khởi công mới		5.000	5.000	0	0	0	0	0	0	12.858	12.858	12.858		
1	Đầu tư xây dựng Doanh trại Trồng quân sự địa phương tỉnh Bắc Kạn	2319/QĐ-UBND ngày 28/12/2018	5.000	5.000							5.000	5.000	5.000		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Phê duyệt quyết toán		Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2015		Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020		Điều chỉnh Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 (phần vốn CĐNS)		Bổ sung vốn dự phòng Cân đối ngân sách	Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2016-2020 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư	Ghi chú	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Giảm	Tăng		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn CĐNS	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)										Trong đó: vốn CĐNS
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Đề án xây dựng nông thôn mới các xã CT 229, xã còn tiềm ẩn nguy cơ mất an ninh trật tự, an toàn xã hội và các xã khó khăn đạt từ 5 tiêu chí nông thôn mới trở xuống trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn, giai đoạn 2019 - 2020										7.858	7.858	7.858		
e	Dự phòng chưa phân bổ										48.976	48.976	48.976		
VI	Dự phòng phân cấp huyện điều hành (30%)										49.328	49.328	49.328		
1	Thành phố Bắc Kạn										8.952	8.952	8.952		
2	Huyện Pác Nặm										5.575	5.575	5.575		
3	Huyện Ba Bể										5.336	5.336	5.336		
4	Huyện Ngân Sơn										5.238	5.238	5.238		
5	Huyện Bạch Thông										4.770	4.770	4.770		
6	Huyện Chợ Đồn										8.477	8.477	8.477		
7	Huyện Chợ Mới										4.959	4.959	4.959		
8	Huyện Na Rì										6.021	6.021	6.021		
C	BỔ SUNG VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 TỪ NGUỒN TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2018; NGUỒN TIẾT KIỆM CHI NGÂN SÁCH NĂM 2019; NGUỒN TIẾT KIỆM 2% CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2019; NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018 VÀ 2019										82.458	82.458	82.458		